

Bản án số: 138/2025/DS-ST
Ngày: 16/5/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Khắc Chung.
2. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trương Bảo Thanh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 248/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2025/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 387/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Duy B, sinh năm 1976, địa chỉ: Số 65/7A Lê Văn Nhung, khóm Bình L, phường Mỹ B, thành phố Long X, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Công P, sinh năm 1986, địa chỉ: Khóm Vĩnh B, thị trấn Vĩnh Thạnh T, huyện Châu P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2.2. Bà Đặng Thị Mỹ V, sinh năm 1989, địa chỉ: Khóm Vĩnh B, thị trấn Vĩnh Thạnh T, huyện Châu P, tỉnh An Giang, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đặng Thị Mỹ V: Luật sư Tô Văn Đ – Công ty Luật TNHH MTV An Gia thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2024, bản tự khai, nguyên đơn là ông Trần Duy B trình bày:

Vào ngày 09/11/2021 âm lịch, ông B có cho ông P và bà V vay số tiền 50.000.000 đồng, với thời hạn vay 03 tháng từ ngày 09/11/2021 âm lịch đến ngày 09/02/2022 âm lịch, không có thỏa thuận về lãi suất, việc vay có làm biên nhận mượn tiền ngày 09/11/2021, ông P và bà V có ký tên vào biên nhận mượn tiền.

Vào ngày 30/7/2023, ông B có cho ông P và bà V vay số tiền 40.500.000 đồng, với thời hạn vay 01 tháng từ ngày 30/7/2023 đến ngày 30/8/2023, không có thỏa thuận về lãi suất, việc vay có làm biên nhận nợ ngày 30/7/2023, ông P và bà V có ký tên vào biên nhận nợ.

Từ lúc vay đến nay ông P và bà V không có trả cho ông B được khoản tiền vốn, hiện còn nợ lại tiền vốn tổng cộng là 90.500.000 đồng.

Nay ông B yêu cầu ông P và bà V có trách nhiệm liên đới trả cho ông B tiền vốn vay còn nợ là 90.500.000 đồng, trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định pháp luật trên vốn vay 50.000.000 đồng từ ngày 10/02/2022 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm và trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định pháp luật trên vốn vay 40.500.000 đồng từ ngày 01/9/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 24/4/2025, ông Trần Công P thống nhất ông và bà V có vay tiền như lời trình bày của ông B nêu trên, đây là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân của ông và bà V, hiện ông và bà V còn nợ ông B số tiền vốn vay tổng cộng là 90.500.000 đồng, ông đồng ý cùng bà V trả cho ông B số tiền vốn vay 90.500.000 đồng, xin không trả tiền lãi, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến trụ sở Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Bà Đặng Thị Mỹ V thống nhất bà và ông P có vay tiền như lời trình bày của ông B nêu trên, đây là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân của bà và ông P, hiện bà và ông P còn nợ ông B số tiền vốn vay tổng cộng là 90.500.000 đồng, bà V đồng ý trả cho ông B số tiền vốn vay 90.500.000 đồng, phương thức trả chia đôi số tiền 90.500.000 đồng, bà trả một nửa, ông P trả một nửa, xin không trả tiền lãi.

Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đặng Thị Mỹ V:

- Các khoản tiền vốn vay các bên đương sự đều thống nhất.
- Hiện bà V và ông P đã ly hôn đề nghị tách khoản nợ 90.500.000 đồng mỗi người trả một nửa.
- Trong các biên nhận vay tiền không có thoả thuận việc trả tiền lãi, nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi là chưa phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tố tụng tại phiên toà.

- Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà.

- Về nội dung vụ án:

Việc vay tiền giữa ông B, ông P và bà V trên cơ sở tự nguyện, nội dung không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Ông P và bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông B khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ là có căn cứ. Đây là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của ông P và bà V.

Từ cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, buộc ông P và bà V có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn vay còn nợ theo hợp đồng, xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án và đã nộp tạm ứng án phí nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Ông Trần Duy B, ông Trần Công P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B, ông P theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ông B, ông P và bà V cùng thống nhất ông B có cho ông P và bà V vay các khoản tiền 50.000.000 đồng vào ngày 09/11/2021 âm lịch và 40.500.000 đồng vào ngày 30/7/2023. Từ lúc vay đến nay ông P và bà V không có trả cho ông B được khoản tiền vốn, hiện còn nợ tiền vốn tổng cộng là 90.500.000 đồng.

Xét thấy số tiền nợ 90.500.000 đồng là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của ông P và bà V. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”*. Ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do đó việc ông P yêu cầu xin không trả tiền lãi, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ; bà V yêu cầu chia đôi số tiền 90.500.000 đồng, bà trả một nửa, ông P trả một nửa, xin không trả tiền lãi; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà V đề nghị không chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của ông B là không có căn cứ chấp nhận.

Ông B yêu cầu ông P và bà V có trách nhiệm liên đới trả cho ông B tiền vốn vay còn nợ là 90.500.000 đồng, trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định pháp luật trên vốn vay 50.000.000 đồng từ ngày 10/02/2022 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm và trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định pháp luật trên vốn vay 40.500.000 đồng từ ngày 01/9/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Việc cho vay các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi, do đó mức lãi suất được xác định để tính tiền lãi là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng. Tiền lãi được tính như sau:

Tiền lãi đối với vốn vay 50.000.000 đồng từ ngày 10/02/2022 âm lịch (nhằm ngày 12/3/2022 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/5/2025) là: 50.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 38 tháng 04 ngày = 15.825.000 đồng.

Tiền lãi đối với vốn vay 40.500.000 đồng từ ngày 01/9/2023 đến ngày xét xử (ngày 16/5/2025) là: 40.500.000 đồng x 0,83%/tháng x 20 tháng 15 ngày = 6.891.000 đồng.

Xét thấy, việc thỏa thuận vay tiền giữa ông B và ông P, bà V theo biên nhận vay tiền là trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Ông P và bà V đã vi phạm không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho ông B theo thỏa thuận, do đó ông B khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ là có căn cứ. Xét buộc ông P và bà V có trách nhiệm liên đới trả cho ông B tiền vốn vay là 90.500.000 đồng, tiền lãi là 22.716.000 đồng, tổng cộng là 113.216.000 đồng.

[3] Về án phí:

Ông P và bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy B.

Buộc ông Trần Công P và bà Đặng Thị Mỹ V có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Duy B số tiền vốn vay là 90.500.000 đồng (Chín mươi triệu, năm trăm ngàn đồng), tiền lãi là 22.716.000 đồng (Hai mươi hai triệu, bảy trăm mười sáu ngàn đồng), tổng cộng là 113.216.000 đồng (Một trăm mười ba triệu, hai trăm mười sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Công P và bà Đặng Thị Mỹ V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.660.000 đồng (Năm triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng).

Ông Trần Duy B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Trần Duy B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.263.000 đồng (Hai triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006233 ngày 08/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Ngọc Dũng

